

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	380 Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	2 Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	378 Học sinh	Tiền ăn:	7,000 đồng	=	2,646,000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	378 Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	=	8,694,000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	378 Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	=	8,694,000 đồng
8.	Tiền thu:	20,034,000 đồng		53,000		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	20,034,000 đồng				
10.	Tiền thiếu:			0 đồng		

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	113.4	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	15.0	50,000	750,000	
3	Nước mắm	Lít	2.0	13,800	27,600	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	2.0	20,000	40,000	

6	Muối trắng	Kg		7,000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	6.8	38,000	258,400	
8	Nước lau nhà	Lít	7.2	30,000	216,000	
9	Gas đun bếp	Kg	20.0	36,000	720,000	
10	Bánh rán	Cái	1134.0	3,000	3,402,000	
11	Thịt lợn rang	Kg	52.3	120,000	6,276,000	
12	Bí đỏ xào	Kg	45.0	10,000	450,000	
13	Cải thảo(canh)	Kg	20.0	12,000	240,000	
14	Dưa hấu	Kg	28.0	20,000	560,000	
15	Thịt gà chiên	Kg	70.0	80,000	5,600,000	
16	Bột chiên	Kg	1.0	28,000	28,000	
17	Bắp cải xào	Kg	42.0	12,000	504,000	
18	Cải ngọt (canh)	Kg	21.0	12,000	252,000	
19	Dưa hấu	Kg	28.0	20,000	560,000	
20	Tỏi	Kg		40,000	-	
21	Hành lá	Kg	1.0	40,000	40,000	
					20,034,000	

Yên Châu, ngày ..29..tháng..01..năm 2026...

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Tạ Hải Yên

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Nguyễn Thị Như Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Văn Hải

